TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **63**/2024/QĐST-HNGĐ	*TP. Tuyên Quang, ngày 11 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2024/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Đ A T**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số nhà 216, đường NT, tổ dân phố x, phường T Q, TP TQ, tỉnh TQ.

- Bị đơn: Chị **L T B**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số nhà 216, đường NT, tổ dân phố x, phường T Q, TP TQ, tỉnh TQ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ A T và chị L T B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao con chung Đ T L, sinh ngày 18/3/2010 cho anh Đ A T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao con chung Đ T Th, sinh ngày 22/01/2014 cho chị L T B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Đ A T và chị L T B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Anh Đ A T và chị L T B đều xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản vay nợ chung:* Anh Đ A T và chị L T B đều xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Đ A T tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000327, ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Anh Đ A T đã nộp đủ án phí. Trả lại cho anh Đ A T số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị L T B không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn;
- UBND phường Tân Quang, TP Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc Hà